

Bản án số: 196/2022/DS-PT
Ngày: 15 - 8 - 2022
V/v tranh chấp ranh giới bất động sản
liền kề và bồi thường thiệt hại ngoài
hợp đồng do tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Bà Phan Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 15 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2021/TLPT-DS ngày 05/3/2021 về việc: “*Tranh chấp ranh giới bất động sản liền kề và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DSST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2022/QĐPT-DS ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1947.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị U, sinh năm 1950 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện L, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 06/9/2014).

- *Bị đơn:* Ông Tống Văn D, sinh năm 1943.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện L, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 27/02/2017).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1978 (có mặt).
2. Ông Tống Minh P, sinh năm 1971 (vắng mặt).
3. Bà Tống Thị L, sinh năm 1972 (vắng mặt).
4. Bà Tống Thị T1, sinh năm 1973 (vắng mặt).
5. Ông Tống Văn B, sinh năm 1974 (vắng mặt).
6. Bà Tống Thị D, sinh năm 1976 (vắng mặt).
7. Bà Tống Thị V, sinh năm 1979 (vắng mặt).
8. Ông Tống Văn H, sinh năm 1980. (vắng mặt).
9. Ông Nguyễn Phú C, sinh năm 1982 (vắng mặt).
10. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990 (có mặt).
11. Bà Nguyễn Kim T2 (vắng mặt).
12. Bà Trần Thị Hoa L1 (vắng mặt).
13. Bà Phạm Thị U, sinh năm 1950 (có mặt).
14. Bà Nguyễn Tiết P (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện L, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phú C, bà Nguyễn Kim T2, bà Nguyễn Tiết P: Bà Nguyễn Thị Phương L2, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện L, thành phố Cần Thơ (văn bản ủy quyền ngày 02/4/2019, ngày 10/01/2019).

15. Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành T3 - Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:

1. Luật sư Trần Văn S. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tống Văn B, bà Nguyễn Thị Bé T và ông Tống Văn D (có mặt).

2. Luật sư Võ Minh L3 - Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn (có mặt).

- Người kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Văn H là nguyên đơn;
2. Ông Tống Văn D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 434, tờ bản đồ số 13, diện tích: 13.990m², loại đất 2L, tọa lạc tại xã X, huyện M, tỉnh Cần Thơ (nay là ấp T, xã X, huyện L, thành phố Cần Thơ), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000126 ngày 06/9/1993. Về nguồn gốc đất: Ông D được cha ruột của ông là ông Nguyễn Văn Đ1 khai mở và cho ông sử dụng từ trước ngày 30/4/1975 đến nay. Thửa giáp ranh với thửa 434 của ông là thửa 409 do ông Tống Văn D đứng tên sử dụng. Trong quá trình sử dụng đất hai bên đã xác định ranh đất là bờ mầu chung, bờ mầu này đã có trên 30 năm nhưng ông D đã tự ý phá bỏ và đắp bờ mới lấn ranh qua thửa 434 mà không được sự đồng ý của ông H.

Đối với tranh chấp tại thửa 433 và 410 thì phía nguyên đơn xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết và yêu cầu Tòa án đình chỉ yêu cầu này của phía nguyên đơn.

Phía nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông Tống Văn D có trách nhiệm trả lại phần diện tích đã lấn chiếm 2.016,9 thuộc thửa 434, tờ bản đồ số 13, loại đất 2L, đất tọa lạc tại xã B, huyện L. Nguyên đơn yêu cầu ông Tống Văn D có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với diện tích 2.016,9m² tại thửa 434 với số tiền 8.068.000 đồng/01 năm/2.016,9m². Thời gian yêu cầu từ năm 2009 đến khi xét xử sơ thẩm.

Phía bị đơn ông Tống Văn D trình bày:

Ông D được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất tại thửa 409, có diện tích: 21.020m², loại đất 2L, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000172 ngày 03/12/1994. Thửa đất này giáp ranh với thửa 434 của ông H. Trong quá trình sử dụng ông có thuê người đào phá bờ đê kênh Út Hay để lấy đất trồng lúa và phá bỏ một phần đoạn bờ mầu giữa thửa 409 và 434. Đất mà gia đình ông đang sử dụng có nguồn gốc từ cha vợ của ông D (cha của bà A) cho vợ chồng từ trước ngày 30/4/1975 đến nay.

Việc ông H cho rằng ông D lấn ranh của ông H là không đúng. Ông cho rằng ông không lấn ranh đất của ông H mà lấn phần bờ kênh Út Hay (phần kênh do Nhà nước quản lý).

Bà Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Bà là vợ ông Tống Văn B và là con dâu của ông Tống Văn D. Hiện nay, vợ chồng bà cùng ông Tống Văn D đang canh tác, quản lý phân đất tại thửa 409. Bà cho rằng quá trình sử dụng gia đình bà không lấn ranh của ông H, phần đất của ông H không có bờ mầu, phần bờ mầu là thuộc quyền sử dụng của gia đình bà. Do đó, bà không đồng ý theo yêu cầu ông H.

Ông Tống Văn B trình bày như sau:

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H. Ông thống nhất với lời trình bày trước đây của mẹ ông là bà Nguyễn Ngọc A (lúc bà A còn sống) và ông thống nhất với lời trình bày của ông D, bà T. Ông có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt tại các phiên tòa.

Ủy ban nhân dân xã X có ý kiến tại Công văn số 135-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2020 như sau:

Tại thửa đất số 409, tờ bản đồ 13 tọa lạc tại ấp T, xã X, huyện L, thành phố Cần Thơ, hiện trạng do ông Tống Văn D đang sử dụng có vị trí tiếp giáp với kênh thủy lợi 6 m (kênh Út Hây). Tuy nhiên phần đất dọc kênh có chiều rộng 3m là phần đất công (bờ kênh) do nhà nước quản lý và hiện nay ông Tống Văn D đã lấn qua sử dụng phần đất này với chiều rộng 3m, chiều dài 475m, vị trí dọc kênh Út Hây và tiếp giáp với thửa 409. Phần đất công là bờ kênh như hiện nay Ủy ban nhân dân xã chưa có nhu cầu sử dụng theo kế hoạch sử dụng đất được duyệt của huyện L. Do đó chưa có yêu cầu ông Tống Văn D trả lại đất và Ủy ban nhân dân xã đã làm việc với ông Tống Văn D liên quan đến phần đất này.

Bà Nguyễn Thị Phương L2 là đại diện theo ủy quyền của của ông Nguyễn Phú C, Nguyễn Thị Kim T2, bà Nguyễn Tiết P trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của bà Út và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Ông Nguyễn Văn Đ (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) trình bày: Xác định không có yêu cầu độc lập và không trình bày gì thêm.

Do các đương sự không thương lượng được cách giải quyết nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại bản án số 01/2021/DSST ngày 04/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Tống Văn D.

Ông Nguyễn Văn H được hưởng phần diện tích 926,7m² trong tổng diện tích 2.016,9m² đất tranh chấp nhưng ổn định ông Tống Văn D được sử dụng phần 926,7m² và buộc ông Tống Văn D có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn H giá trị quyền sử dụng đất là 74.136.000 đồng.

Ông Tống Văn D được quyền quản lý sử dụng 2.016,9m² loại đất 2 L, thuộc thửa 409, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc tại ấp T, xã X, huyện L. Trong phần diện tích này có 1.425m² đất ông Tống Văn D sử dụng lấn kênh, khi Cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc có nhu cầu sử dụng thì ông Tống Văn D đồng ý trả lại diện tích lấn kênh.

Vị trí thửa đất được xác định theo bản trích đo địa chính số: 1406/2018 ngày 03/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (Đính kèm bản án).

Kiến nghị cơ quan chuyên môn có thẩm quyền điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất theo sơ đồ vị trí thửa đất trên cơ sở yêu cầu của đương sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H liên quan đến thửa 433 với thửa 410. Ngoài ra, bản án còn tuyên chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã tuyên xử nguyên đơn và bị đơn đã kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Luật sư Võ Minh L3 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng diện tích đất của nguyên đơn bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do phía bị đơn lấn qua. Trước đây ranh giới của hai bên được xác định là bờ mầu chung nhưng bị đơn đã tự ý phá bỏ và nhập chung vào phần đất của bị đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại diện tích tranh chấp theo biên bản đo đạc là 2.016,9m² và buộc bị đơn phải trả thiệt hại do đất bị lấn chiếm là 8.068.000 đồng/01 năm.

Phía bị đơn có luật sư Trần Văn S bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp trình bày: Bị đơn không lấn đất của nguyên đơn. Bị đơn có đơn phản tố yêu cầu được công nhận và sử dụng phần đất tranh chấp. Phần đất bị đơn được công nhận là 21.020m² đo đạc thực tế 21.846m², có sự dôi dư là do có sử dụng một phần đất kênh không được nhà nước công công nhận là 1.425m². Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố bị đơn.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Căn cứ theo Mảnh trích đo địa chính số 1406/2018 ngày 03/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thới Lai thửa đất 434 của nguyên đơn có diện tích 13.063,3 m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp còn thiếu 926,7m², thửa 409 có diện tích 21.846,6m² cộng phần diện tích tranh chấp 2.016,9m² bị đơn sử dụng diện tích 23.863,5m², trong đó trừ phần diện tích ngang 3m dài 475m (tương ứng 1.425m²) ông D thừa nhận lấn kênh Út Hây, hiện ông D sử dụng dư so với giấy chứng nhận ông D được cấp. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, đương sự có yêu cầu đo đạc lại nên tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành đo lại ngày 29/4/2022, nhưng bị đơn không thống nhất kết quả của Hội đồng thẩm định, đo đạc lại. Vì vậy, khi giải quyết yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn sẽ căn cứ vào Mảnh trích đo năm 2018 để giải quyết. Do phần đất của các bên khi được cấp không đo đạc thực tế, không xác định ranh cụ thể rõ ràng, quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận đã san lấp bờ dòng, thay đổi hiện trạng nên phần đất tranh chấp có diện tích 2.016,9m² sẽ chia đôi là đảm bảo quyền lợi cho cả hai bên, cụ thể phần diện tích tranh chấp kích thước ngang giáp kênh thủy lợi 4,8m chia thành điểm đầu 2,4m tính từ ranh nguyên đơn trở ra kéo thẳng hết ranh hai bên đến cạnh ngang trong 0,6m mỗi bên ngang 0,3m là đảm bảo diện tích của nguyên đơn và bị đơn, nên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đối với nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại từ việc bị đơn sử dụng đất lấn chiếm nhưng không có chứng cứ chứng minh nên tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của phía nguyên đơn là phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa Bản án dân sự theo hướng trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại ranh giới đất và bồi thường thiệt hại về quyền sử dụng đất bị lấn chiếm nên quan hệ pháp luật là: *“Tranh chấp ranh giới bất động sản liền kề và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”* theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Thới Lai thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn. Các đương sự kháng cáo trong hạn luật định, đúng hạn nên hợp lệ về mặt thời gian. Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có ủy quyền, có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ nên xử vắng mặt theo Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn thì thể hiện: Nguồn gốc thửa đất 434 của ông H được cha ruột của ông là ông Nguyễn Văn Đ1 khai mở và cho ông sử dụng từ trước ngày 30/4/1975 đến nay, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993; nguồn gốc thửa đất 409 nguồn gốc từ cha vợ của ông D (cha của bà A) tặng cho từ trước ngày 30/4/1975 đến nay. Phần đất tranh chấp có diện tích 2.016,9 thuộc thửa 409, tờ bản đồ số 13, loại đất 2L, đất tọa lạc tại ấp T, xã X, huyện L.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hai bên đương sự được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993. Lúc cấp dưới hình thức đại trà không có kích thước cụ thể thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc cấp giấy cũng không có đo đạc thể hiện với hình thức biên bản xác nhận ranh giới mốc giới thửa đất và có ký tên xác nhận của người sử dụng bất động sản liền kề.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất thực tế chưa tính phần diện tích tranh chấp theo mảnh trích đo địa chính số 1406/2018 ngày 03/12/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L thì thửa đất 434 có diện tích 13.063,3m²; thửa 409 có diện tích 21.846,6m². Như vậy, so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 434 còn thiếu 926,7m², thửa 409 dư 826,6m². Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H đã được Ủy ban nhân dân huyện M (cũ) cấp. Vì vậy, khi giải quyết yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn sẽ căn cứ vào Mảnh trích đo năm 2018 để giải quyết. Do phần đất của các bên khi được cấp không đo đạc thực tế, không xác định ranh cụ thể rõ ràng, quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận đã san lấp bờ dồng, thay đổi hiện trạng nên phần đất tranh chấp có diện tích 2.016,9m² sẽ chia đôi là đảm bảo quyền lợi cho cả hai bên, cụ

thể phần diện tích tranh chấp kích thước ngang giáp kênh thủy lợi 4,8m chia thành điểm đầu 2,4m tính từ ranh nguyên đơn trở ra kéo thẳng hết ranh hai bên đến cạnh ngang trong 0,6m mỗi bên ngang 0,3m là đảm bảo diện tích của nguyên đơn và bị đơn, nên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Bản án sơ thẩm nhận định và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn phần diện tích đất 926,7m² nhưng quy đổi ra tiền là chưa phù hợp. Do đó, điều chỉnh lại phần tuyên này của bản án sơ thẩm.

[4] Đối với yêu cầu của ông H liên quan đến vấn đề yêu cầu ông D bồi thường thiệt hại đối với diện tích 2.016,9m² tại thửa 434 với số tiền 8.068.000 đồng/01 năm/ 2.016,9m². Thời gian yêu cầu từ năm 2009 đến khi xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy yêu cầu này không có cơ sở vì rằng ban đầu ông H chỉ khởi kiện cho rằng ông Tống Văn D lấn ranh 1.353m² tại thửa 434, loại đất 2L, quá trình giải quyết vụ án có đo đạc, thẩm định lại diện tích tranh chấp tăng lên là 2.016,9m². Ông H không chứng minh được thiệt hại mà phía bị đơn gây ra. Bản án sơ thẩm đã bác bỏ yêu cầu này. Do đó, cần phải giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại này.

[5] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H liên quan đến thửa 433 với thửa 410.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H và ông Tống Văn D do là người già.

[7] Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Mỗi bên chịu ½ chi phí này.

[8] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 2, Điều 308, Điều 26, Điều 91, Điều 93, Điều 101, Điều 147, Điều 148, Điều 155, Điều 156 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 202, Điều 203 của Luật đất đai 2013;

- Điều 164, 166, 169 và Điều 584 của Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H; Không chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Tống Văn D. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

1. Chia đôi phần diện tích tranh chấp cho nguyên đơn và bị đơn. Ông Nguyễn Văn H và ông Tống Văn D mỗi bên được hưởng phần diện tích 1.008,45m² trong tổng diện tích 2.016,9m² đất tranh chấp.

Cụ thể phần diện tích tranh chấp kích thước ngang giáp kênh thủy lợi 4,8m chia thành điểm đầu 2,4m tính từ ranh nguyên đơn trở ra kéo thẳng hết ranh hai bên đến cạnh ngang trong 0,6m mỗi bên ngang 0,3m. Đất tọa lạc tại ấp T, xã X, huyện L. (Trong phần diện tích của ông Tống Văn D có 1.425m² đất ông Tống Văn D sử dụng lấn kênh, khi Cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc có nhu cầu sử dụng thì ông Tống Văn D đồng ý trả lại diện tích lấn kênh).

Vị trí thửa đất được xác định theo bản trích đo địa chính số: 1406/2018 ngày 03/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (Đính kèm bản án).

Kiến nghị cơ quan chuyên môn có thẩm quyền điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất theo sơ đồ vị trí thửa đất trên cơ sở yêu cầu của đương sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H liên quan đến thửa 433 với thửa 410.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H và ông Tống Văn D. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H các số tiền gồm 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 002472 ngày 08/02/2010, số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 008512 ngày 20/10/2014, số tiền 1.275.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000809 ngày 13/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Hoàn trả cho ông Tống Văn D các số tiền gồm 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000837 ngày 02/3/2017, số tiền 3.200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 015779 ngày 27/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu. Ông Nguyễn Văn H được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2019 016129 ngày 15/01/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

5. Về chi phí đo đạc thẩm định, định giá:

Buộc ông Nguyễn Văn H và ông Tống Văn D mỗi người có trách nhiệm nộp 3.750.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H đã nộp tạm ứng 2.000.000 đồng, phía ông Tống Văn D nộp tạm ứng 5.500.000 và đã chi 7.500.000 đồng xong. Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm nộp lại 1.750.000 đồng để trả cho ông Tống Văn D.

Chi phí thẩm định cấp phúc thẩm là 5.000.000 đồng. Ông H đã nộp và chi xong nên ông D có trách nhiệm trả lại cho ông H 2.500.000 đồng.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND huyện Thới Lai;
- THADS huyện Thới Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hải